

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12/12/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị H, sinh năm 2000;

Nơi ĐKKHKT: Đội 1, xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Nơi sinh: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Phan Đình V, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Đội 1, xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh V (chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh V vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Tòng Thị H trình bày: Chị và anh Phan Đình V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 28/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hay bất đồng quan điểm, anh V ham chơi không quan tâm gì đến vợ, con. Anh V còn quan hệ tình cảm với người khác. Chị và anh V sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Chị

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Đình V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là cháu Phan Đình M, sinh ngày 09/9/2017 và Phan KA, sinh ngày 17/01/2020. Chị H xin nuôi cháu KA và để cháu M cho anh V nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các V bản tố tụng, giấy triệu tập anh V đến làm việc nhưng anh V vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 08/11/2022 Tòa án đã cùng với địa pH xã Yên Phú làm việc với ông Phan Đình Thư là bố đẻ của anh Phan Đình V cho biết: Anh V kết hôn với chị H tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 28/5/2018. Sau khi kết hôn anh V, chị H sống cùng gia đình ông tại đội 1 xã P. Mâu thuẫn giữa anh V, chị H cụ thể như thế nào thì gia đình ông không nắm rõ. Tuy nhiên chị H đã 03 lần tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống một thời gian sau đó gia đình ông lại lên đón về nhưng khoảng gần một năm nay chị H không về. Hai anh chị sống ly thân nhau gần năm nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết có gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập anh V lên Tòa án làm việc, anh V đã nhận được và biết được việc chị H xin ly hôn tuy nhiên do anh V mới xin được việc nên không xin nghỉ được, anh V có nguyện vọng xin đoàn tụ, không muốn ly hôn để con có đủ cả bố và mẹ. Về con chung: Anh V và chị H có 02 con chung là cháu Phan Đình M, sinh ngày 09/9/2017 và Phan KA, sinh ngày 17/01/2020. Hiện nay cháu M đang ở cùng bố, cháu KA đang ở cùng mẹ. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị H không có gì liên quan.

Về phía địa phương xã P cho biết: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị H, anh V đúng như trình bày của ông Phan Đình Thư. Quá trình chung sống địa phương không nắm rõ mâu thuẫn như thế nào chỉ biết rằng hiện nay anh chị đang sống ly thân nhau. Về con chung: Anh V và chị H có 02 con chung là cháu Phan Đình M, sinh ngày 09/9/2017 và Phan KA, sinh ngày 17/01/2020. Hiện nay cháu M đang ở cùng anh V, cháu KA đang ở cùng chị H. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan giữa anh V, chị H cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị H, địa phương đã tổng đạt các V bản tố tụng, giấy mời cho anh V, anh V biết việc chị H xin ly hôn tại Tòa án tuy nhiên do anh V bận công việc nên không về Tòa án. Quan điểm của địa pH đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án theo đúng pháp luật.

Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị H có mặt, anh V vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh V theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị H xin giải quyết vắng mặt. Anh V mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tòng Thị H. Áp dụng điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Phan Đình M cho anh V nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Phan KA cho chị H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các vấn đề khác, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh V mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Cuộc hôn nhân giữa chị Tòng Thị H và anh Phan Đình V là hợp pháp. Qua đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Hai bên không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh V. Về phía anh V,

mặc dù anh biết việc chị H xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh V vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị H nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh V vẫn vắng mặt. Chị H đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh V nên Toà án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là cháu Phan Đình M, sinh ngày 09/9/2017 và Phan KA, sinh ngày 17/01/2020. Hiện nay cháu M đang ở cùng anh V, cháu KA đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng nuôi cháu KA, để anh V nuôi dưỡng cháu M. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu KA cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu M cho anh V nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh V không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Tòng Thị H và anh Phan Đình V.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Đình M, sinh ngày 09/9/2017 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phan KA, sinh ngày 17/01/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Tòng Thị H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003768, ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Tòng Thị H và anh Phan Đình V được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ V Anh